TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** **Số: 197/2018/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Thành phố Huế, ngày 13 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 197/2018/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 336 Nguyễn Sinh Cung, thôn Tây Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 21/17 Hàn Mặc Tử, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:** Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Tuấn B

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Tuấn B công nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Thu V, sinh ngày 13/02/2007 và Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 01/8/2008.

Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Tuấn B thỏa thuận: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Thu V, sinh ngày 13/02/2007 và Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 01/8/2008 cho chị Nguyễn Thị Thu S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Tuấn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Tuấn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Tuấn B cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Nguyễn Tuấn B mỗi người phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Nguyễn Thị Thu S tự nguyện nộp thay cho anh Nguyễn Tuấn B và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thu S đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004785 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TP. Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND p.Vỹ Dạ, Tp.Huế;
(Chị S, anh B) ĐKKH ngày 09/5/2006)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh